

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ)**

MÃ SỐ: 8140101

THE FRAMEWORK OF MASTER DEGREE SYLLABUS

MAJOR: EDUCATION (POLITICAL EDUCATION), CODE: 8140101

*(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-ĐTĐH ngày 27/02/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

*(Attached to Decision No. 661/QĐ-ĐTĐH date 27/02/2025
Of the Rector of Dong Thap university)*

1. Loại chương trình đào tạo: định hướng ứng dụng

Type of training: Applied orientation

2. Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)

Length: 02 year (24 months)

3. Nội dung chương trình đào tạo

Syllabus contents

3.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Total credits accumulated

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

Total credits accumulated: 60 credits, including:

TT No	Thành phần Component	Số tín chỉ Credits		Tỷ lệ (%) percent
		Bắt buộc Specialized	Tự chọn Elective	
1	Khối kiến thức chung General knowledge	10	0	17%
2	Khối kiến thức cơ sở ngành Major core knowledge	09	06	25%
3	Khối kiến thức chuyên ngành Specialized knowledge	11	09	33%
4	Khối kiến thức thực hành, thực tế Practicum, field trip	06	0	10%
5	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Master graduation thesis	09	0	15%
TỔNG CỘNG:		45	15	
		60		100

3.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết
Syllabus framework in details

TT No	Mã học phần Unit code	Tên học phần Names of Units	Số tín chỉ Credits	Giờ tín chỉ			Tiến độ Term
				LT Theory	ThH Practice	TH Self - study	
I. Kiến thức chung (General knowledge)			10				
1	GPS.801	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	00	120	I
2	GEP.801	Tiếng Anh <i>English</i>	6	60	60	180	I
II. Kiến thức cơ sở ngành (Major core knowledge)			14				
2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc (Compulsory major core knowledge)			9				
1	MPE.825	Lý luận giáo dục hiện đại <i>Theory of education Modern</i>	3	45	00	120	I
2	MPE.826	Phát triển chương trình giáo dục <i>Development of the education program</i>	3	45	00	120	I
3	MPE.827	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục chính trị <i>Research methods of political education science</i>	3	45	90	120	II
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Elective major core knowledge)			6				
2.1. Nhóm chọn 1 học phần 3 tín chỉ			3				
1	MPE.829	Phát triển tư duy phản biện và sáng tạo	3	45	90	120	II

		<i>Develop critical and creative thinking</i>					
2	MPE.830	Tham vấn tâm lý trong trường học <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	45	90	120	II
3	MPE.831	Giáo dục kỹ năng sống <i>Life skills education</i>	3	45	90	120	II
4	MPE.828	Các lý thuyết tâm lý học hiện đại <i>Modern psychological theories</i>	3	45	90	120	II
2.2. Nhóm chọn 1 học phần 3 tín chỉ			3				
1	MPE.832	Thống kê ứng dụng trong khoa học giáo dục <i>Applied statistics in educational science</i>	3	45	90	120	II
2	MPE.833	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM/STEAM <i>Organizing STEM/STEAM educational activities</i>	3	45	90	120	II
3	MPE.834	Giáo dục vì sự phát triển bền vững <i>Education for sustainable development</i>	3	45	90	120	II
III. Kiến thức chuyên ngành (Specialized knowledge)			20				
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (Compulsory Specialized knowledge)			11				
1	MPE.835	Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục chính trị <i>Theory and methods of teaching political education</i>	3	45	90	120	II

2	MPE.836	Phát triển năng lực đặc thù trong dạy học bộ môn giáo dục công dân <i>Developing specific competencies in teaching civic education</i>	3	45	90	120	II
3	MPE.837	Chiến lược và Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo <i>Strategy and Policy for Education and Training Development</i>	2	30	60	90	III
4	MPE.838	Đo lường và đánh giá trong lĩnh vực giáo dục chính trị <i>Measurement and evaluation in political education</i>	3	45	90	120	III
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Elective specialized knowledge) (Chọn 3 học phần)			9				
1	MPE.839	Phương pháp dạy học triết học <i>Teaching methods of Philosophy</i>	3	45	90	120	III
2	MPE.840	Phương pháp dạy học kinh tế chính trị <i>Teaching methods of political economy</i>	3	45	90	120	III
3	MPE.841	Phương pháp dạy học chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Teaching methods of scientific socialism</i>	3	45	90	120	III
4	MPE.842	Phương pháp dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Teaching methods of Ho Chi Minh ideology</i>	3	45	90	120	III
5	MPE.843	Phương pháp dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Teaching methods of History</i>	3	45	90	120	III

